

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2024/HNGĐ-ST

Ngày 19/8/2024

V/v: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình
có yếu tố nước ngoài”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Nam;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Sảo và bà Nguyễn Thị Thanh Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nam - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:
Bà Phan Thị Hồng Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 15/2024/TLST-HNGĐ, ngày 30 tháng 5 năm 2024, về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 20/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02 tháng 8 năm 2024 của Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Thôn TT, xã TH, huyện HY, tỉnh TQ. Hiện nay đang lao động xuất khẩu tại Japan, Fukuokashihakataku, gokushomachi 12-23 Umeno kopo 301 gou. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Đinh Lệnh Th, sinh năm 1985;

Nơi đăng ký hộ khẩu: Thôn TT, xã TH, huyện HY, tỉnh TQ. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Chị và anh Đinh Lệnh Th kết hôn ngày 22/11/2012, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HD, huyện HY, tỉnh TQ việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu nhau và được gia đình hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, sau khi kết hôn hai vợ chồng chị sinh sống cùng bố mẹ chồng, đến năm 2017 vợ chồng chị ra ở riêng, quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc bình thường, đến đầu năm 2022 vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, đến tháng 5 năm 2022 chị H đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, sau đó vợ chồng chị có hoà giải để vợ chồng đoàn

tự, nhưng mâu thuẫn không được cải thiện. Chị H xác định không còn tình cảm vợ chồng, nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị ly hôn với anh Đinh Lệnh Th.

Về con chung: Chị H xác nhận có 01 con chung, cháu Đinh Trung D, sinh ngày 18/6/2013, hiện nay cháu D đang sống cùng anh Th.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị H xác nhận vợ chồng chị không có tài sản chung và không vay nợ ai, nên không yêu cầu toà án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã niêm yết các văn bản tố tụng của Toà án theo quy định của pháp luật. Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã xác minh thông qua người thân của chị Nguyễn Thị Thu H tại Việt Nam. Bố đẻ của chị H là ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1967, địa chỉ: Thôn C1, xã Đức N, huyện HY, tỉnh TQ. Ông Nguyễn Văn K có ý kiến như sau: Ông K là bố đẻ của chị Nguyễn Thị Thu H, chị H và anh Đinh Lệnh Th đăng ký kết hôn năm 2012, sau khi kết hôn anh Th và chị H sinh sống tại Thôn TT, xã TH, huyện HY, tỉnh TQ, trong quá trình chung sống anh Th và chị H tình cảm vẫn bình thường, đến năm 2022 chị H đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Về con chung chị H và anh Th có 01 con chung là Đinh Trung D, sinh ngày 18/6/2013, hiện nay cháu D đang ở cùng ông bà nội là ông Đinh Lệnh L và bà Lê Thị Kh, tại thôn Khánh H, xã HĐ, huyện HY, tỉnh TQ. Còn anh Đinh Lệnh Th đang làm việc tại khu công nghiệp Bình X, tỉnh VP. Đến nay chị H có đơn xin ly hôn với anh Th, ông K không can thiệp do vợ chồng Th H tự thoả thuận, quyết định. Toà án gửi văn bản cho chị H, ông K nhất trí nhận và sẽ thông báo cho chị H biết nội dung văn bản của Toà án.

Bản tự khai bị đơn anh Đinh Lệnh Th trình bày: Anh Th và chị Nguyễn Thị Thu H, kết hôn năm 2012, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HĐ, huyện HY, tỉnh TQ, trong quá trình chung sống tình cảm vợ chồng trước đây vẫn hạnh phúc bình thường, từ năm 2022 đến nay vợ chồng anh Th thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là tính tình vợ chồng không hợp nhau. Đến tháng 5 năm 2022 chị Nguyễn Thị Thu H đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, từ khi đi Nhật Bản chị H không còn quan tâm đến gia đình, anh Th xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị H nữa, anh Th nhất trí ly hôn để ổn định cuộc sống của các bên.

Về con chung: Anh Th và chị H có 01 con chung, cháu Đinh Trung D, sinh ngày 18/6/2013, hiện nay cháu D đang sinh sống cùng anh Th, khi giải quyết ly hôn anh Th đề nghị Toà án giải quyết cho anh được nuôi cháu Đinh Trung D, anh Th không yêu cầu chị Nguyễn Thị Thu H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về vay nợ chung: Vợ chồng anh không vay nợ ai, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Do chị Nguyễn Thị Thu H đang ở nước ngoài, anh Th có đơn đề không tham gia phiên họp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không hoà giải nên căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án không tiến hành hòa giải vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tại phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến trước khi nghị án.

Về nội dung: Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu H. Về con chung giao cháu Đình Trung D, sinh ngày 18/6/2013, cho anh Đình Lệnh Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Đình Lệnh Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 22/11/2012, tại Ủy ban nhân dân xã HĐ, huyện HY, tỉnh TQ, theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đây là hôn nhân hợp pháp. Ngày 17/6/2024, Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Tuyên Quang có công văn số 626/QLXNC-Đ1 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của công dân nội dung “Họ và tên: Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 25/5/1990, địa chỉ: huyện HY, tỉnh TQ. Giới tính. Nữ; quốc tịch Việt Nam; hộ chiếu số C4754255. Ngày 17/8/2023 chị Nguyễn Thị Thu H xuất cảnh tại Sân bay quốc tế Nội Bài”. Như vậy qua thu thập thông tin, tài liệu xác định chị Nguyễn Thị Thu H hiện nay đang sinh sống ở nước ngoài.

[2]. Về việc vắng mặt của đương sự: Chị Nguyễn Thị Thu H hiện đang ở nước ngoài, địa chỉ cụ thể: Janpan, Fukuokashihakataku, gokushomachi 12-23 Umeno kopo 301 gou. Bộ đề của chị H ông Nguyễn Văn K xác nhận chị H đang đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, mọi giấy tờ của Tòa án chuyển cho chị H, ông K sẽ nhận thay và thông tin lại cho chị H biết. Chị H và anh Th đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án xét xử vắng mặt anh Th và chị H là đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H.

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Lời khai của chị Nguyễn Thị Thu H phù hợp với ý kiến trình bày của bộ đề chị và phù hợp với lời khai của bị đơn anh Đình Lệnh Th cùng các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án. Do đó, có cơ sở xác định cuộc sống chung giữa chị H và anh Th đã mâu thuẫn trầm trọng, hiện chị H và anh Th ở hai nước khác nhau, không còn quan tâm tới nhau, đã sống ly thân nhiều năm. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Th thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu H để ổn định cuộc sống của hai bên.

[3.2]. Về nuôi con chung: Quá trình chung sống chị H và anh Đình Lệnh Th có một con chung cháu Đình Trung D, sinh ngày 18/6/2013. Hội đồng xét xử thấy hiện nay chị H đang lao động tại Nhật Bản, cháu D đang sống chung với anh Đình Lệnh Th. Anh Th có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không đề nghị chị H cấp dưỡng nên để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt

của cháu D và nguyện vọng về việc nuôi con của anh Th cần giao cháu Đinh Trung D cho anh Th chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với pháp luật cũng như thực tế. Chị Nguyễn Thị Thu H được quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

[3.3]. Về tài sản chung và vay nợ chung: Theo lời khai chị Nguyễn Thị Thu H và anh Đinh Lệnh Th không có tài sản chung, không có vay nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo của các đương sự: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Đinh Lệnh Th được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2, khoản 4 Điều 207; khoản 2 Điều 227; Điều 238; Điều 266; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu H.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với anh Đinh Lệnh Th.

Theo giấy chứng nhận kết hôn số 112 ngày 22 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân xã HĐ, huyện HY, tỉnh TQ.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Đinh Trung D, sinh ngày 18/6/2013 cho anh Đinh Lệnh Th được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Nguyễn Thị Thu H không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000063 ngày 30 tháng 5 năm 2024 do anh Lê Nhân Đ nộp thay tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang. Chị Nguyễn Thị Thu H đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Đinh Lệnh Th vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Chị Nguyễn Thị Thu H vắng mặt tại phiên toà, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Cục THADS tỉnh Tuyên Quang (khi có HLPL);
- UBND xã Thái Hoà, huyện Hàm Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Nam

